

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TRA

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA	4
<u>BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH</u>	<u>5</u>
I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	6 - 7
II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	8 - 9
III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	10

TR
KIẾ
2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được kiểm tra.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên giao dịch: Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định điều chỉnh như sau:

- Quyết định số 72/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Quyết định số 100/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD và chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VND
- Trụ sở hoạt động
 - Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84 - 08) 39144290
 - Fax : (84 - 08) 39142295
 - Mã số thuế : 0304814339
- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Linh	Chủ tịch
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên thường trực
Ông Võ Quang Long	Thành viên thường trực
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên

01/06/2012
 PH
 PH
 PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Ánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lâm Đạo Thảo	Quyền Tổng Giám đốc
------------------	---------------------

Tình hình vốn khả dụng

Tình hình vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 5 đến trang 10).

Sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



LÂM ĐẠO THẢO - Q. Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2012

20
01
IN
TC
1/1
1/1
1/1
1/1
1/1
1/1

Số : 0025/2012/BCKQCTKT-KTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra đã thỏa thuận trước với quý Công ty trong việc kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày trong tài liệu kèm theo bao gồm: Bảng tính vốn khả dụng, Bảng tính giá trị rủi ro và Tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2012 từ trang 5 đến trang 10 kèm theo.

Việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác kiểm tra về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác kiểm tra của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán số 920 «Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước». Chuẩn mực này yêu cầu công tác kiểm tra phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác kiểm tra bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục kiểm tra đối chiếu các chỉ tiêu trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Công tác kiểm tra cũng bao gồm việc đánh giá trách nhiệm tính các chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như trách nhiệm về tính chính xác của kết quả tính toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả công tác kiểm tra

Trên cơ sở công tác kiểm tra, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn khả dụng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2012



VĂN NAM HAI – Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0787/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

151
V
H
Á
[
H
30
V
CH
NG
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số công văn: 143A/2012/ORS-KT

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2012

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30 tháng 6 năm 2012

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



LÂM ĐẠO THẢO
Q. Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Q. Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ NGUYỄN KHANH
Kiểm soát nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN I: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VKD	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
		(1)	(2)	(3)
A.	Nguồn vốn	237.136.270.252	27.371.000.066	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	240.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	1.047.890.198		
7.	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(53.911.619.946)		
8.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
9.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
10.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
11.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
12.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		27.371.000.066	-
B.	Tài sản ngắn hạn	-	52.752.117.914	-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		52.214.213.560	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		8.753.693.190	
2.	Trả trước cho người bán		106.076.900	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày trở xuống			-
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		43.354.443.470	
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			

VỐN KHẢ DỤNG 52.214.213.560

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN I: BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			537.904.354
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn			462.419.504
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			75.484.850
4.1	Tạm ứng			75.484.850
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			75.484.850
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác			-
C	Tài sản dài hạn	-		7.842.298.989
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			*
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			-
II	Tài sản cố định			4.192.682.190
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
1.	Đầu tư vào công ty con			-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 điều 8			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4.	Đầu tư dài hạn khác			-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác			3.649.616.799
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			-
TỔNG CỘNG		237.136.270.252		87.965.416.969
VỐN KHẢ DỤNG				149.170.853.283

PHẦN II: BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO
A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

CÁC HẠN MỤC ĐẦU TƯ		HS RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	443.005.755.368	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5.	Trái phiếu chính phủ lãi suất cố định phiếu			-
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu Chính phủ thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
IV. Cổ phiếu				44.149.129.465
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%	5.723.268.178	572.326.818
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%	2.810.649.380	421.597.407
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	3.419.145.600	683.829.120
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%	76.136.795.200	42.471.376.120
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng	10%		-
14.	Quỹ thành viên	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch kể từ ngày giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sản giao dịch)	40%		-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Mã chứng khoán	M. tăng	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.			-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				44.149.129.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

B. RỦI RO THANH TOÁN

STT	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ RỦI RO						TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								5.050.233.983
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo	-	-	-	-	311.984.368	-	311.984.368
2.	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua CK có cam kết bán lại (Repo)	-	-	-	-	-	1.882.197.288	1.882.197.288
5.	Hợp đồng bán CK có cam kết mua lại (Reverse Repo)	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	2.856.052.327	2.856.052.327
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-			-	
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-			-	
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-			-	
4.	Từ 60 ngày trở lên	100%		-			-	
III. Rủi ro tăng thêm								-
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.							
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I + II + III)								5.050.233.983

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	98.608.495.908
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	9.962.130.548
	1. Chi phí khấu hao	1.635.121.522
II.	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(16.229.937.575)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	12.203.764.873
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	12.353.181.728
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	88.646.365.360
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	22.161.591.340
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C = MAX(III, IV)		27.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (D = A + B + C)		76.199.363.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN III: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG

STT	CÁC CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ RỦI RO/VỐN KHẢ DỤNG	GHI CHÚ
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	44.149.129.465	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5.050.233.983	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro	76.199.363.447	
5.	Vốn khả dụng	149.170.853.283	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	195,76%	